TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 18-4-2025
V/v Tranh chấp *"hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Cường**
Bà Nguyễn Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: **Ông Hoàng Văn Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 106/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp *"hụi"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Đinh Thị Kim A**, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*)

Bị đơn: **Bà Vũ Thị B**, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ông Vũ Đức C**, sinh năm 1957; nơi cư trú: Thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*có mặt*).

2. **Bà Vũ Thị D**, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 2, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*)

3. **Ông Vũ Huy Đ**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*)

4. **Ông Vũ Văn E**, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*vắng mặt*)

5. **Bà Đinh Thị Kiều F**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 2, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (*xin giải quyết vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A trình bày được tóm tắt như sau:

Do là chị em ruột, nên bà Đinh Thị Kim A có nhờ bà Đinh Thị Kiều F giới thiệu chơi hụi với bà Vũ Thị B (*chủ hụi*) nhiều dây hụi khác nhau từ năm 2010. Việc chơi hụi này thì bà A không trực tiếp chơi với bà B mà bà A chuyển tiền nhờ bà F đóng tiền hàng tháng cho bà B và bà B đều biết do bà A bỏ tiền ra để chơi hụi, bà F chỉ là người đăng ký dùm cho bà A. Trong quá trình chơi hụi cho đến giữa năm 2021 thì bà B có thanh toán tiền đầy đủ cho bà A, có khi bà B giao tiền cho bà F để bà F giao tiền lại cho bà A. Sau đó, bà A thông qua bà F có tiếp tục tham gia chơi hụi với bà B ở các dây sau với tổng số tiền là 172.000.000 đồng và bà A đã đóng đầy đủ số tiền trên cho bà B. Tuy nhiên, đến cuối năm 2023 thì bà B không còn có khả năng thanh toán tiền hụi cho các con hụi trong đó có bà A, cho nên các bên thống nhất là sau khi trừ tiền huê hồng cho chủ hụi là 3.000.000 đồng thì bà B còn nợ tiền hụi của bà A là 169.000.000 đồng và bà B có hứa hàng tháng sẽ trả cho bà A là 10.000.000 đồng, sau đó bà B có trả cho bà A được 02 tháng, mỗi tháng là 10.000.000 đồng thông qua bà F thì bà B không trả tiền nữa. Do đó, vào ngày 06 tháng 4 năm 2024 bà A cùng với bà F có đến gặp bà B tại nhà để đòi số tiền chơi hụi còn lại nhưng bà B nói rằng chưa lấy được số tiền hụi từ người khác nên chưa trả được cho bà A. Sau đó giữa bà B và bà A có lập giấy xác nhận nợ với nội dung là bà B còn nợ của bà A số tiền chơi hụi còn lại là 149.000.000 đồng và hẹn 02 tháng sau bà B sẽ trả hết tiền cho bà A, thỏa thuận lãi suất là 20%/năm. Tuy nhiên, từ khi lập giấy xác nhận nợ cho đến nay bà B không trả thêm cho bà A được một khoản tiền nào khác. Do vậy, nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B, ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền chơi hụi còn lại là 149.000.000 đồng và mức lãi suất là 20%/năm, tính từ ngày 06 tháng 4 năm 2024 đến khi giải quyết xong vụ án. Các con của bà B, ông C là Vũ Thị D, Vũ Huy Đ, Vũ Văn E sau khi xác định họ không có liên quan gì nên bà A không yêu cầu họ liên đới cùng bà B trả nợ.

Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn bà Vũ Thị B trình bày được tóm tắt như sau:

Bà B và bà F có chơi hụi với nhau từ năm 2020 đến ngày 11 tháng 01 năm 2024 (*dương lịch*) thì ngưng không hoạt động nữa, bà B không có chơi hụi gì với bà A, không liên quan gì đến bà A. Cụ thể là giữa bà B và bà F chơi hụi từ ngày 25 tháng 8 năm 2022 bà F có vào tham gia của bà B là 02 chân hụi, đóng 01 tháng mỗi chân là 7.000.000 đồng và có hốt 01 chân hụi vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, còn lại 01 chân hụi là 118.000.000 đồng, số tiền này bà F đã đóng cho bà B. Đây là số tiền chưa

có tính lãi (*bà F có khi chuyển khoản có khi đưa tiền mặt, cụ thể bà F đưa tiền cho con gái bà B là Vũ Thị D*), sau khi ngưng dây hụi, sau đó bà B có trả cho bà F số tiền 20.000.000 đồng là 02 tháng chơi hụi do con gái bà B chuyển cho bà F vào ngày 24 tháng 01 năm 2024. Như vậy, bà B còn nợ lại tiền gốc mà bà F tham gia chơi hụi là 98.000.000 đồng. Việc này chồng bà B là ông Vũ Đức C không có biết vì bà B đi mổ ở thành phố về giấu ông C. Đến cuối năm 2023 ông C mới biết, số tiền chơi hụi là tiền của các con hụi đóng vô chơi, sau khi bể hụi không còn khả năng thanh toán thì con bà B là Vũ Huy Đ cho bà B để thanh toán cho các con hụi chứ không liên quan gì đến các con của bà B. Giấy ghi nhận nợ ngày 06 tháng 4 năm 2024 là do bà A viết tại nhà bà B và đưa cho bà ký vào giấy này chứ bà không có đọc nội dung, bà thừa nhận đây đúng là chữ ký và chữ viết của mình trong giấy nợ là 149.000.000 đồng nhưng ông C không biết. Do bà bị người khác giật tiền hụi nhiều nên tinh thần bà rất hoang mang nên khi đó bà A đưa giấy thì bà B ký liền, chồng bà và các con không có biết việc này. Nay bà B đồng ý trả cho bà A với số tiền là 98.000.000 đồng, phương thức thanh toàn là 4.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

Quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đức C trình bày được tóm tắt như sau:

Ông C là chồng của bà B, việc bà A, bà F chơi hụi với bà B thì lúc đầu ông không biết vì lúc đó bà B giấu ông. Tuy nhiên, đến cuối năm 2023 thì ông mới biết nhưng lúc này mọi việc đã xong, bà B cũng bị người khác giật nợ nên không còn khả năng trả được tiền cho bà A. Nay ông cũng thống nhất như phần trình bày của bà B và đồng ý cùng bà B trả nợ cho bà A mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Quá trình thu thập chứng cứ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Thị Kiều F trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà A về toàn bộ sự việc nêu trên, Nay bà cũng yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà B phải trả nợ hụi cho bà A với số tiền gốc là 149.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà A. Buộc bà B và người có nghĩa vụ liên quan là ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền hụi gốc còn nợ lại là 149.000.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà A về trách nhiệm liên đới đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là các con của bà B gồm các ông bà Vũ Thị D, Vũ Huy Đ, Vũ Văn E vì xác định họ không có liên quan gì nên bà A rút yêu cầu.

Các vấn đề khác đề nghị Toà án giải quyết th eo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp "*hụi*" do nguyên đơn là bà A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn là bà B có nơi cư trú tại thôn 3, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà D, ông Đ, ông E đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt, việc các ông bà nói trên vắng mặt mà không có lý do chính đáng là đương nhiên từ chối quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về yêu cầu đòi tiền hụi gốc:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà A về việc yêu cầu bà B và ông C phải có trách nhiệm liên đới trả lại số tiền nợ hụi gốc là 149.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hụi là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoản thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh hụi và quyền, nghĩa vụ của các thành viên. Trên cơ sở của vụ án này, mặc dù bà A không trực tiếp chơi hụi cùng bà B mà bà A nhờ bà F chơi hộ, quá trình thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà B thừa nhận là bà F tham gia 02 chân hụi từ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và đóng mỗi chân là 7.000.000 đồng/ tháng và đã hốt 01 chân vào ngày 25 tháng 12 năm 2023, còn lại 01 chân là 118.000.000 đồng, số tiền này bà F đã đóng đầy đủ cho bà B, đây là số tiền chưa tính lãi đối với hụi sống của người chơi chưa được hốt (*bà F có khi chuyển khoản, có khi đưa tiền mặt, cụ thể bà F đưa tiền cho con gái bà B là bà D*). Sau này bà B bị bể hụi nên bà A cùng bà F đi đòi nợ thì bà B có trả cho bà F 02 lần ở dây hụi thứ 02 với tổng số tiền là 20.000.000 đồng do con gái bà B chuyển cho bà F vào ngày 24 tháng 01 năm 2024. Cho nên, bà B cho rằng chỉ còn nợ lại tiền hụi gốc mà bà F tham gia là 98.000.000 đồng và bà đồng ý chuyển trả nợ từ bà F sang trả cho bà A mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà A đồng ý.

Xét thấy, việc bà A không đồng ý để bà B trả nợ tiền hụi gốc với số tiền là 98.000.000 đồng là có cơ sở bởi lẽ: Căn cứ vào Giấy ghi nhận nợ ngày 06 tháng 4 năm 2024 (*dương lịch*) được xác lập có chữ ký của bà B (*bà B thừa nhận là có ký*

Giấy này) thì bà B còn nợ tiền hụi của bà A là 149.000.000 đồng và hẹn 02 tháng sẽ trả thì tại thời điểm này việc xác lập Giấy ghi nợ giữa 03 bên đối với khoản tiền nợ hụi được chuyển giao quyền và nghĩa vụ từ bà F sang cho bà A để thực hiện quyền đòi nợ đối với bà B. Tuy nhiên, đến hẹn thì bà B không trả cho bà A được một khoản tiền nào theo cam kết. Hơn nữa tại phiên tòa, bà A có cung cấp 01 đoạn ghi âm có lời thoại giữa bà A, bà F và bà B (*Hội đồng xét xử có cho bà B, ông C nghe lại và thừa nhận đoạn ghi âm này là đúng và có giọng nói của bà B*) trong đó các bên có xác nhận là bà B có nợ tiền hụi là 169.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng và còn nợ lại là 149.000.000 đồng, nội dung đoạn ghi âm này hoàn toàn phù hợp với Giấy ghi nhận nợ được xác lập giữa bà A, bà F đối với bà B như đã viện dẫn nêu trên. Mặt khác, theo lời trình bày của ông C thì giao dịch chơi hụi giữa bà B và bà F (*bà F chơi dùm cho bà A*) thì ông C là chồng của bà B không biết, đến cuối năm 2023 thì ông mới biết sự việc này và ông cũng đồng ý cùng với bà B trả nợ cho bà A. Ngoài ra, cũng theo lời bà B thì việc bà làm chủ hụi để hưởng lợi từ người chơi nhằm mục đích phục vụ cho bà B, ông C. Vì vậy, việc bà A yêu cầu bà B và ông C có trách nhiệm liên đới trả cho bà A số tiền hụi còn nợ lại là 149.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình thu thập chứng cứ, bà A yêu cầu bà B và ông C phải có trách nhiệm liên đới trả lãi trên số tiền nợ hụi gốc còn nợ lại là 149.000.000 đồng với mức lãi suất là 20%/năm, tính từ ngày 06 tháng 4 năm 2024 (*ngày các bên ghi giấy nợ*) đến khi giải quyết xong vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, việc bà B không trả tiền hụi cho bà A theo cam kết tại Giấy ghi nhận nợ là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà A. Cho nên, việc bà A yêu cầu tính lãi nêu trên là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và tính cụ thể như sau:

Tiền lãi được tính từ ngày 06 tháng 4 năm 2024 (*ngày các bên ghi giấy nợ*) cho đến ngày 18 tháng 4 năm 2025 (*thời điểm đưa vụ án ra xét xử*) là 12 tháng 12 ngày: 149.000.000 đồng x 20%/01 năm x 12 tháng 12 ngày = 30.795.000 đồng.

[2.3] Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2024, bà A yêu cầu vợ chồng bà B, ông C cùng các con là bà D, ông Đ, ông E phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi gốc và lãi. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà A xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đưa bà D, ông Đ, ông E vào liên đới để trả nợ cùng bà B, ông C vì không có liên quan đến phần nợ hụi này. Xét thấy đây là thiện chí của bà A và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và cần đình chỉ một phần yêu cầu này của bà A.

[2.4] Đối với lời phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy, bà B và ông C là người cao tuổi đang sinh hoạt tại Chi hội 3, xã PV và đã được chính quyền địa phương xác nhận nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ tiền án phí cho bà B và ông C.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; 228; 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 280; 288; 468; 471 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A về tranh chấp "*hụi*".

2. Tuyên xử:

Buộc bà Vũ Thị B, ông Vũ Đức C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đinh Thị Kim A số tiền hụi gốc còn nợ lại là 149.000.000 đồng và tiền lãi là 30.795.000 đồng, tổng cộng là 179.795.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim A đối với bà Vũ Thị D, ông Vũ Huy Đ, ông Vũ Văn E về việc liên đới trả nợ hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Vũ Thị B và ông Vũ Đức C.

Trả lại cho bà Đinh Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí là 4.275.000 đồng đã nộp (*Biên lai thu tiền số 0008364 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của A cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước*).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (01);*
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (01);*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập (01);*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập (01);*
- *Các đương sự (06);*
- *Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng (02);*

THẨM PHÁN

Văn Phú Vinh